

かいご かにてい
介護過程って
なんですか？

せいかつ
生活が
自分らしい
生活
がしたい！

かいご かにてい つか
介護過程を使って
かんが
考えましょう

この
まな
て
び
び
ま
し
よ
う

むづか
難しそうですが、
がんばります！



かいご ふくし しこうほしゃ
EPA 介護福祉士候補者が
かいご かにてい りかい
介護過程を理解するための
てび
手引き

にほんご ごぼん
日本語/ベトナム語版

この手引きについて

手引きの目的

この手引きは、EPA介護福祉士候補者の皆さんが、介護過程の展開について理解することができるように作りました。

*展開：順番に進めること

手引きの使い方

受入れ施設で就労を始めてから、6か月～1年ぐらいのEPA介護福祉士候補者が使えるように、日本語をできるだけやさしくしました。

介護過程は、介護導入研修テキスト第1章2-3にも説明がありますので、読んでください。

また、わからない言葉があったら、訳もありますので、みてください。(P21)

手引きを読んだ後で

介護過程について詳しく書いてあるテキストを読んで、もっと勉強してください。

Về sách hướng dẫn này

Mục đích của sách hướng dẫn

Sách hướng dẫn này được soạn thảo để giúp các ứng viên chuyên viên chăm sóc phúc lợi EPA hiểu được quy trình chăm sóc được triển khai như thế nào.

Cách sử dụng sách hướng dẫn

Tiếng Nhật trong sách được viết đơn giản nhất có thể để các ứng viên chuyên viên chăm sóc phúc lợi EPA đã làm việc tại cơ sở tiếp nhận được 6 tháng đến 1 năm có thể sử dụng được.

Quy trình chăm sóc cũng được giải thích trong mục 2-3 chương 1 của Giáo trình đào tạo giới thiệu hộ lý, nên xin vui lòng đọc.

Ngoài ra, nếu có những từ bạn không hiểu, thì cũng có bản dịch, vì vậy vui lòng xem.

Sau khi đọc sách hướng dẫn

Hãy đọc giáo trình mô tả chi tiết quy trình chăm sóc để tìm hiểu thêm.

1. 介護過程ってなんだろう？

みなさんは、「介護過程」について考えながら、毎日の介護の仕事をしていますか。

介護の目標は利用者一人ひとりが希望している生活、利用者にあった生活ができるようにすることです。介護過程は目標を達成するための考え方のプロセスです。

*達成：計画や目的をやり終えること *プロセス：過程。始まりから結果まで進む様子、順序

これから皆さんが介護福祉士として働くためには、「介護過程に基づいた介護」ができるようになることが大切です。

皆さんが介護の仕事をはじめた時、施設の人から利用者一人ひとりに合った介護の方法を覚えてもらったと思います。その介護の方法はどうやって考えたと思いますか。

これは、皆さんの先輩が、利用者一人ひとりの状態を理解して、考えた方法です。これが、「介護過程に基づいた介護」の方法です。

これから、介護過程について、一緒に見ていきましょう。

1. Quy trình chăm sóc là gì?

Các bạn có nghĩ về “quy trình chăm sóc” trong khi làm công việc chăm sóc hàng ngày không?

Mục tiêu của dịch vụ chăm sóc là giúp mỗi người sử dụng có thể sinh hoạt theo cách họ muốn và phù hợp với họ. Quy trình chăm sóc là một quá trình suy nghĩ để đạt được mục tiêu.

Để các bạn làm việc với tư cách là chuyên viên chăm sóc phúc lợi từ đây trở đi, điều quan trọng là các bạn có thể thực hiện “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”.

Khi các bạn bắt đầu làm công việc chăm sóc, tôi tin rằng những người ở cơ sở đã dạy bạn cách chăm sóc phù hợp với từng người sử dụng. Bạn nghĩ làm thế nào mà phương pháp chăm sóc đã được nghĩ ra?

Đây là phương pháp mà các bậc tiền bối của các bạn sau khi thấu hiểu tình trạng của từng người sử dụng đã nghĩ ra. Đây là phương pháp “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”.

Từ bây giờ, hãy cùng nhau xem quy trình chăm sóc.

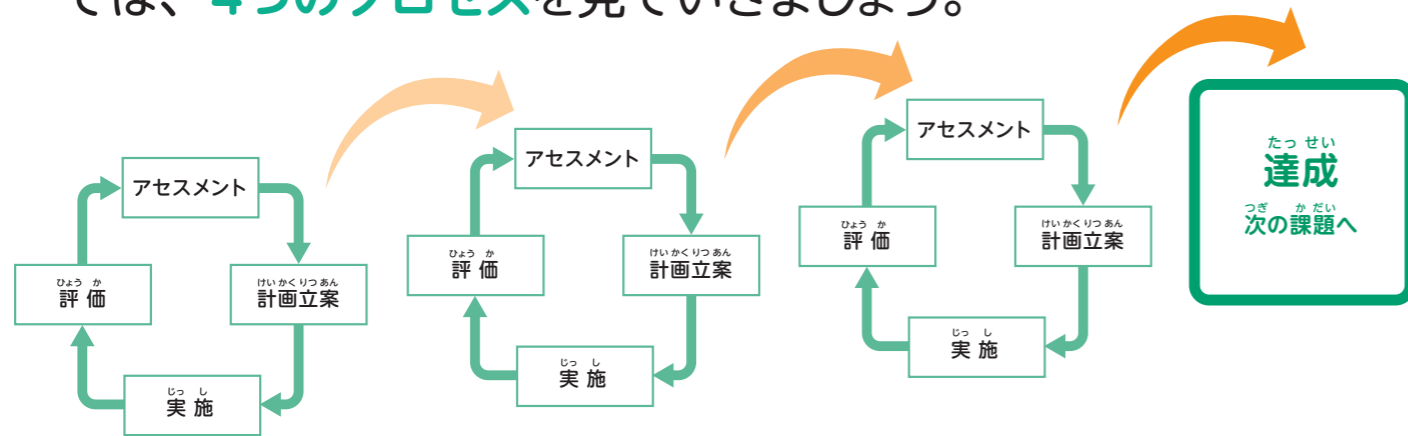
2. 介護過程のプロセス

介護過程には **アセスメント**、**計画立案**、**実施**、**評価**の4つのプロセスがあります。

介護過程は目標が達成されるまで、4つのプロセスを繰り返します。

*繰り返す：同じことを何度もすること

では、4つのプロセスを見ていきましょう。



アセスメント 心身の状態や今の生活で心配なことや楽しみにしていることなど、利用者が希望する生活をするために必要な情報を集めます。そして集めた情報を整理、分析して生活課題やニーズが何かを考えます。

*分析：物や起きた事の一つひとつに分けて、整理して、詳しく調べること

*課題：解決しなければならない問題

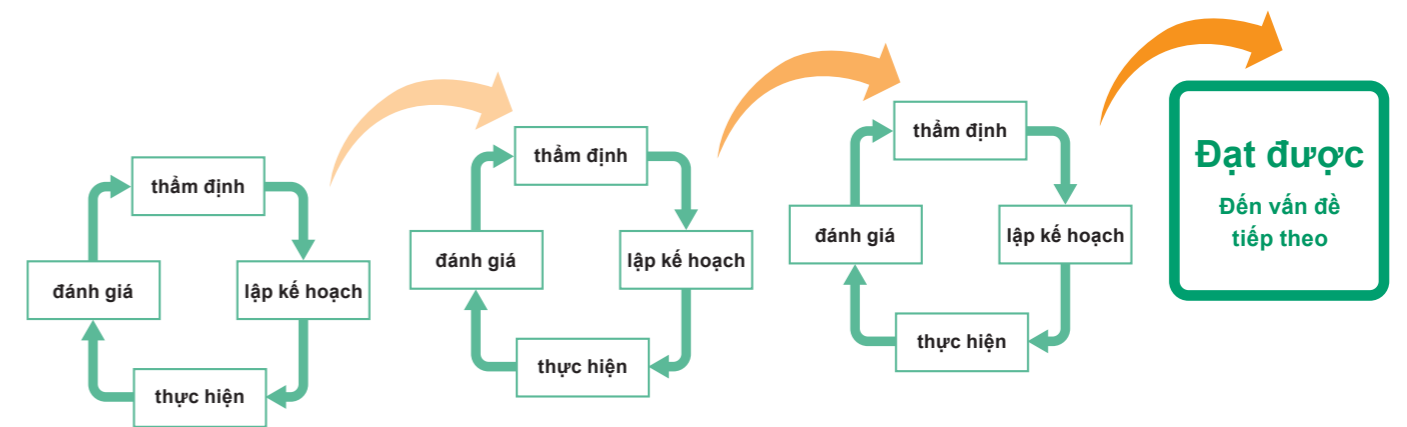
*ニーズ：必要なもの、必要なこと、したいこと、して欲しいことなど

2. Quá trình trong quy trình chăm sóc

Có 4 quá trình trong quy trình chăm sóc: [thẩm định], [lập kế hoạch], [thực hiện] và [đánh giá].

Trong quy trình chăm sóc, 4 quá trình này được lặp đi lặp lại cho đến khi đạt được mục tiêu.

Vậy, chúng ta hãy xem xét 4 quá trình.



[Thẩm định] Thu thập thông tin cần thiết để người sử dụng có thể sinh hoạt theo cách mà họ mong muốn, chẳng hạn như tình trạng tinh thần và cơ thể, điều họ lo lắng và điều họ mong đợi trong cuộc sống hiện tại, v.v. Sau đó, sắp xếp và phân tích thông tin thu thập được để suy nghĩ xem vấn đề sinh hoạt và nhu cầu là gì.

計画立案 アセスメントでわかった生活課題やニーズを解決するために、どんな介護が必要かを考えます。利用者が希望する生活をするために、目標は何か、どんな支援を実施するか、介護福祉職・看護師・相談員など、利用者を支援するすべての人が分かるように具体的な計画を立てます。

*解決：問題がなくなるようにすること *実施：すること。法律、計画で決められたことをすること

*具体的：わかりにくいことなどを、例を出して説明すること *計画を立てる：計画を作る

実施 介護計画の通りに、支援を実施します。利用者に意向の確認をして、自立、安全、安楽の視点を大切に行います。また、実施したことは記録に残し、他の介護福祉職・看護師・相談員にも利用者の情報を共有できるようにすることも大事なことです。

*意向：「～しよう」という気持ちや考え *安楽：苦しくなくて、安心できること *視点：考え方

評価 支援を実施した記録を見て、目標は達成できたか、支援の方法は利用者に合っていたかなどを評価します。目標を達成していたら、次の課題に進みます。達成できなかったり、直さなければならぬことが見つかったりした場合は、計画をもう一度考えます。そのためにはもう一度アセスメントが必要です。

*評価：良いかどうか、役に立つかどうか決めること

このように「介護過程に基づいた介護」をすることで、利用者が希望する生活に近づくことができます。

[Lập kế hoạch] Suy nghĩ xem cần chăm sóc như thế nào để giải quyết các vấn đề sinh hoạt và nhu cầu đã hiểu được trong quá trình thăm định. Lập kế hoạch cụ thể để tất cả những người hỗ trợ người sử dụng, chẳng hạn như nhân viên chăm sóc phúc lợi, điều dưỡng và tư vấn viên, v.v. có thể hiểu mục tiêu là gì và thực hiện hỗ trợ như thế nào để người sử dụng có thể sinh hoạt theo cách mà họ mong muốn.

[Thực hiện] Thực hiện hỗ trợ theo kế hoạch chăm sóc. Xác nhận ý hướng của người sử dụng và thực hiện trong khi coi trọng quan điểm về sự tự lập, an toàn và thoải mái. Ngoài ra, điều quan trọng là phải lưu giữ ghi chép về những gì đã được thực hiện và làm sao để có thể chia sẻ thông tin của người sử dụng với các nhân viên chăm sóc phúc lợi, điều dưỡng và tư vấn viên khác.

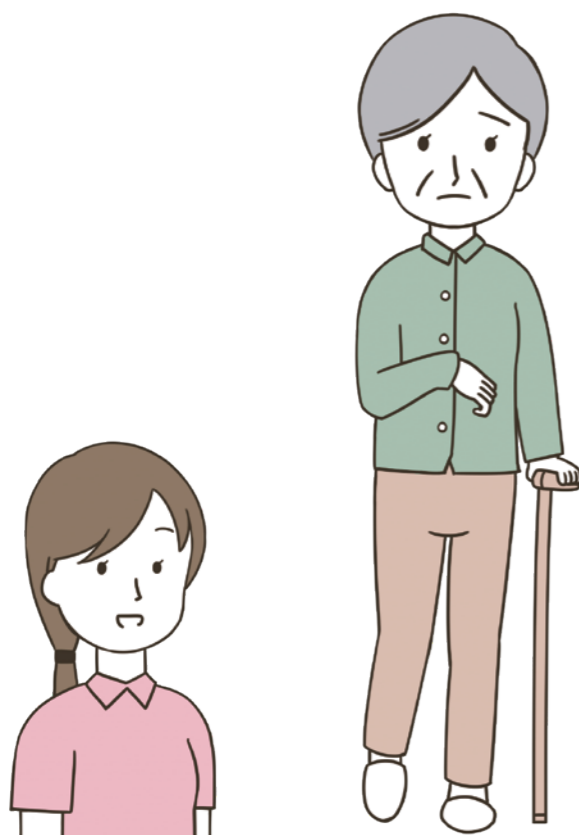
[Đánh giá] Xem ghi chép về hỗ trợ đã thực hiện và đánh giá xem mục tiêu đã đạt được hay chưa, phương pháp chăm sóc có phù hợp với người sử dụng hay không, v.v. Nếu đã đạt được mục tiêu, chuyển sang vấn đề tiếp theo. Nếu không thể đạt được hoặc đã phát hiện thấy có việc phải chỉnh sửa suy nghĩ lại về kế hoạch. Vì điều đó, cần thăm định lại một lần nữa.

Như thế này, bằng cách thực hiện “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”, người sử dụng có thể tiến gần hơn đến sinh hoạt theo cách mà họ mong muốn.

3. 介護施設における介護過程の展開の事例

介護施設では、どうやって「介護過程に基づいた介護」をしているのでしょうか。具体的な例を使って考えてみましょう。今回登場する人達です。

登場人物の紹介



山田さん (78歳)

- ・1か月前に、介護老人保健施設に入所した
- ・脳血管疾患で、右麻痺がある
- ・杖を使って歩いている
- ・着替えは一部介助
- ・リハビリでは、立ち上がりや歩行訓練をしているが、最近、下肢の筋力が低下している
- ・できることは自分でやりたいと話している
- ・週2回の入浴を楽しみにしている
- ・早く自宅に帰りたと思っている

フォンさん

- ・EPA介護福祉士候補者
- ・1年前から施設で働いている
- ・山田さんを担当している

佐藤さん

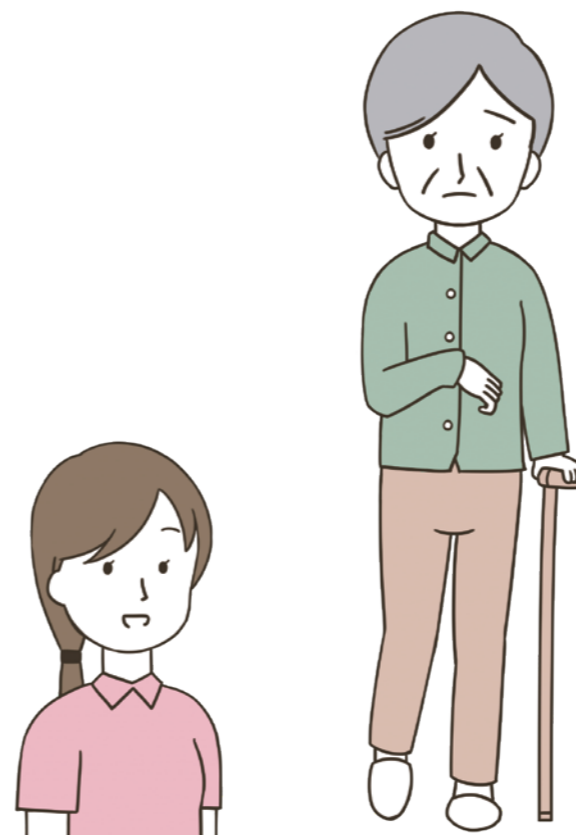
- ・介護福祉士
- ・施設のユニットリーダー
- ・新人職員の指導を担当している

*最近: 少し前から今まで。この頃 *下肢: 足 *低下する: 弱くなる

3. Một ví dụ thực tế về việc triển khai quy trình chăm sóc tại cơ sở chăm sóc

Ở cơ sở chăm sóc, làm cách nào để thực hiện “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”? Hãy cùng suy nghĩ bằng cách dùng ví dụ cụ thể. Đây là những người xuất hiện lần này.

Giới thiệu nhân vật xuất hiện



Bà Yamada (78 tuổi)

- Đã vào cơ sở chăm sóc sức khỏe người già 1 tháng trước
- Có bệnh mạch máu não, liệt bên phải
- Đi bộ với gậy
- Hỗ trợ một phần trong việc thay quần áo
- Phục hồi chức năng bao gồm tập đứng dậy và đi bộ, nhưng sức mạnh cơ bắp ở chi dưới gần đây đã suy giảm.
- Bà cho biết bà muốn tự làm những gì mình có thể làm
- Bà háo hức được tắm 2 lần một tuần
- Bà muốn sớm được về nhà

Chị Phương

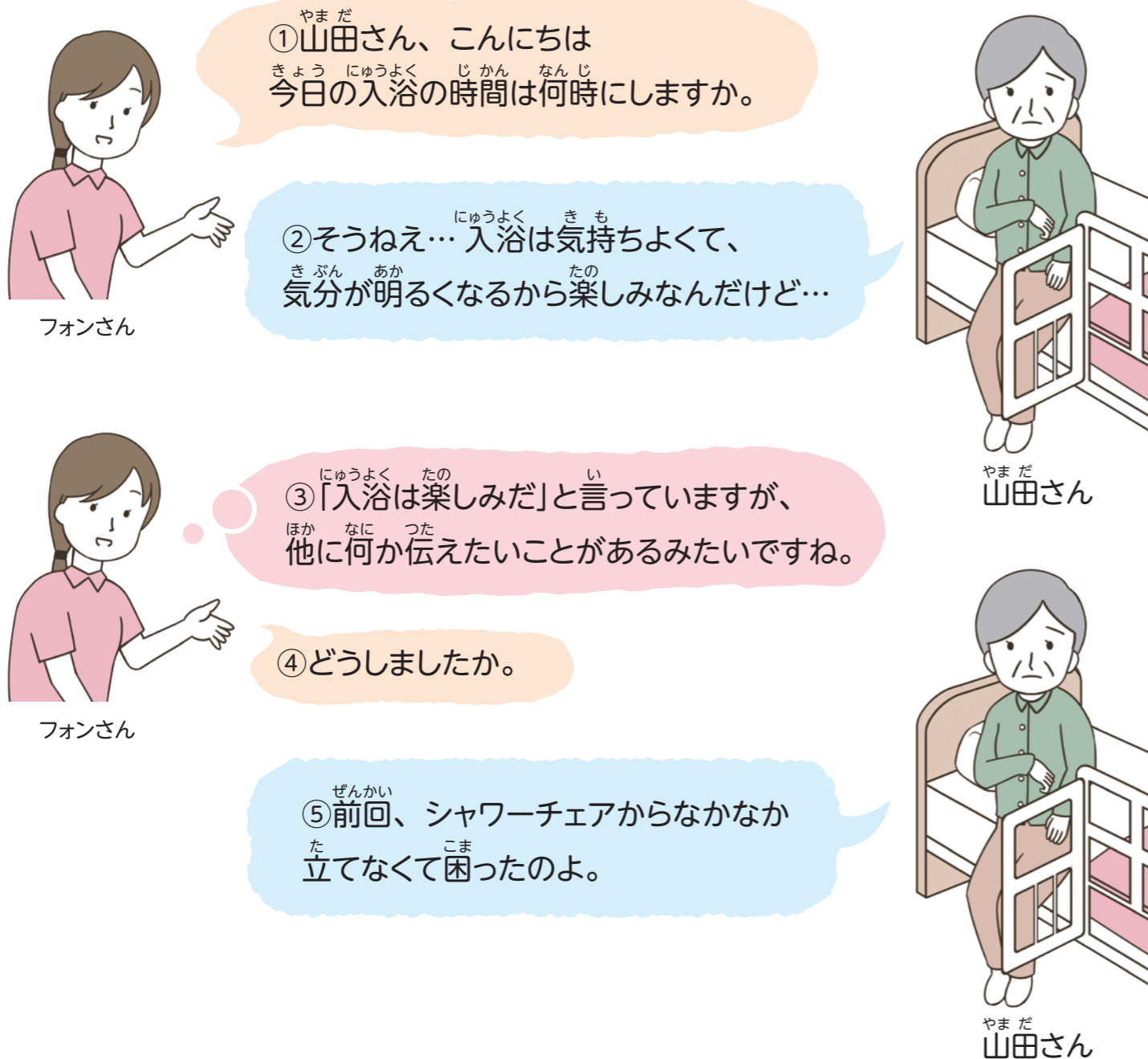
- Ứng viên chuyên viên chăm sóc phúc lợi EPA
- Đang làm việc tại cơ sở từ 1 năm trước
- Chị phụ trách bà Yamada

Anh Sato

- Chuyên viên chăm sóc phúc lợi
- Trưởng đơn vị ở cơ sở
- Đang chịu trách nhiệm hướng dẫn nhân viên mới

アセスメント【情報収集①】

入浴の場面から、山田さんが「希望する生活」を考えてみましょう。ある日、フォンさんは山田さんの入浴の時間を相談しに居室を訪ねました。



① 山田さん、こんにちは
今日の入浴の時間は何時にしますか。

② そうねえ… 入浴は気持ちよくて、
気分が明るくなるから楽しみなんだけど…

③ 「入浴は楽しみだ」と言っていますが、
他に何か伝えたいことがあるみたいですね。

④ どうしましたか。

⑤ 前回、シャワーチェアからなかなか
立てなくて困ったのよ。

Thăm định [Thu thập thông tin ①]

Hãy cùng thử suy nghĩ về “sinh hoạt theo cách mong muốn” của bà Yamada từ tình huống tắm.

Một ngày nọ, chị Phương đến phòng ở của bà Yamada để thảo luận về thời gian tắm cho bà Yamada.



① Chào bà Yamada
Hôm nay bà muốn tắm lúc mấy giờ ạ?

② Ừ... Bà rất háo hức được tắm vì cảm thấy dễ chịu và tâm trạng sẽ vui vẻ hơn, nhưng mà...

③ Bà nói rằng bà rất háo hức được tắm, nhưng có vẻ như bà có điều gì khác muốn nói nhỉ.

④ Bà có chuyện gì vậy ạ?

⑤ Lần trước, bà đã hầu như không đứng dậy được từ ghế tắm, bà thấy phiền lắm.

アセスメント【情報収集②】



フォンさん

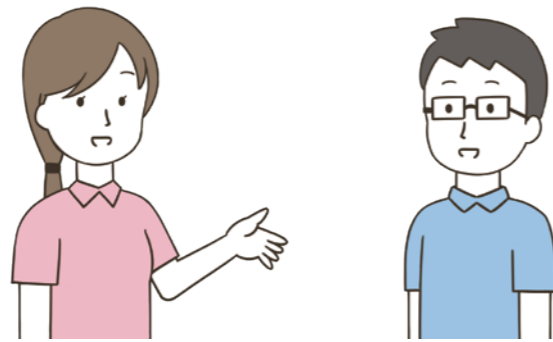
やまだ 山田さんは、入浴を楽しみにしているのに、
よくそう はい とき 浴槽に入る時、シャワーチェアに手をついて
た あ じ かん ぶ あん 立ち上がるのに時間がかかったから不安そうに
しているのですね。



フォンさん

やまだ 山田さんは、どうして立ち上がるのが
たいへん 大変だったのでしょうか。

フォンさんは佐藤リーダーに山田さんのことを報告しました。



まずは山田さんの入浴に関する情報収集をしましょう。

- ① ほか かいご しょくいん たしよくしゆ やまだ かぞく さいきん ① 他の介護職員や他職種、山田さんの家族にも最近の
やまだ じょうきよう き 山田さんの状況について聞いてみましょう。
- ② やまだ せいかつじょうきよう どうさ かんさつ ② 山田さんの生活状況や動作を、よく観察してみましょう。
- ③ やまだ はなし き ③ 山田さんにも、いろいろ話を聞いてみましょう。
- ④ きろく かくにん ④ これまでの記録も確認しましょう



佐藤リーダー



フォンさん

わかりました!

Thăm định [Thu thập thông tin ②]



Chị Phương

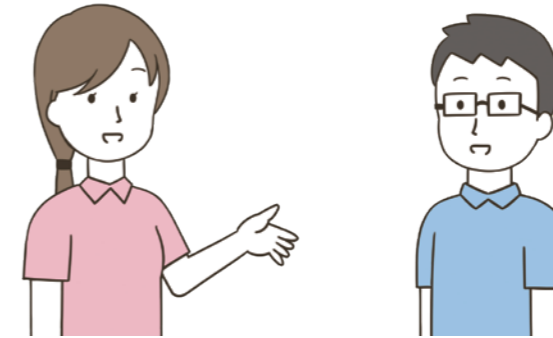
Bà Yamada đang háo hức được tắm, nhưng bà có vẻ lo lắng vì phải mất thời gian để đặt tay lên ghế tắm và đứng dậy khi vào bồn tắm.



Chị Phương

Bà Yamada, tại sao đứng dậy lại vất vả thế?

Chị Phương đã báo cáo với trưởng nhóm Sato về việc của bà Yamada.



Đầu tiên, chúng ta hãy thu thập thông tin về việc tắm rửa của bà Yamada.

- ① Hãy thử hỏi các nhân viên chăm sóc khác, các nhân viên ở bộ phận khác và gia đình của bà Yamada về tình hình gần đây của bà.
- ② Hãy thử quan sát kỹ tình hình sinh hoạt và động tác của bà Yamada.
- ③ Hãy cũng thử hỏi bà Yamada nhiều chuyện khác nhau.
- ④ Hãy kiểm tra ghi chép cho đến nay.



Trưởng nhóm Sato



Chị Phương

Tôi hiểu rồi!

アセスメント【情報収集③】

やまだ やまだ かぞく くわ はなし き
山田さんや山田さんの家族に詳しく話を聞いてみます。



フォンさん

リハビリの調子はどうですか。
リハビリは大変ですか。

よくそう はい とき
浴槽に入る時、
たいへん
大変ですか。

やまだ あんしん にゅうよく
山田さんが安心して入浴するために、
わたし てつだ
私たちがお手伝いできることはありますか。

そうねえ…



やまだ
山田さん



フォンさん

やまだ にゅうよく
山田さんはどんな入浴を
きぼう
希望していますか。

はは からだ うご たいへん
母は「体を動かすのが大変になってきたけど、
できるだけ人のお世話にならないで
にゅうよく
入浴したい」と言っていました。



かぞく
家族

Thăm định [Thu thập thông tin ③]

Tôi sẽ thử hỏi chuyện chi tiết với bà Yamada và gia đình của bà Yamada.



Chi Phuong

Tình hình phục hồi chức năng của bà như thế nào ạ? Phục hồi chức năng có vất vả không ạ?

Có vất vả khi bà bước vào bồn tắm không ạ?

Có điều gì chúng cháu có thể làm để giúp bà Yamada yên tâm tắm không ạ?

Ừ…



Bà Yamada



Chi Phuong

Bà Yamada muốn tắm kiểu gì?

Mẹ tôi nói: “Cử động cơ thể giờ vất vả hơn, nhưng bà muốn tắm mà không phải dựa vào người khác trong khả năng có thể.”



Gia đình

アセスメント【情報収集④】

やまだ かいご ほか せんもんしよく はなし き
山田さんの介護にかかわる他の専門職にも話を聞きます。



フォンさん

ぜんかい やまだ にゅうよく ようす
前回の山田さんの入浴の様子はどうでしたか。

やまだ ざめん はし て
山田さんは座面の端に手をつけて
自分で立ちあがろうとしていました。
じぶん た
とても時間がかかって大変そうでした。
じかん たいへん



かいごしよくいん
介護職員



フォンさん

やまだ かし じょうたい おし
山田さんの下肢の状態を教えてください。

しゅう かい た あ
週に1回立ち上がりのリハビリを
していますが、最近少しずつ筋力が
さいきんすこ きんりよく
低下しているようですね。
ていか



しよくいん
リハビリテーション職員

Thăm định [Thu thập thông tin ④]

Tôi cũng sẽ hỏi chuyện các nhân viên chuyên môn khác có tham gia chăm sóc bà Yamada.



Chị Phương

Tình hình tắm rửa lần trước của bà Yamada như thế nào?

Bà Yamada đặt tay lên mép mặt ghế và cố gắng tự mình đứng dậy. Rất mất thời gian và vất vả.



Nhân viên chăm sóc



Chị Phương

Xin cho biết về tình trạng chi dưới của bà Yamada.

Bà đang phục hồi chức năng để đứng dậy mỗi tuần 1 lần, nhưng có vẻ như gân dây sức mạnh cơ bắp của bà đang suy giảm dần.



Nhân viên phục hồi chức năng

アセスメント【情報収集⑤】

やまだ 山田さんの入浴の情報を整理します。

ねんれい さい
・年齢 78歳
せいべつ じょせい
・性別 女性
びょうき しょうじょう
・病気、症状など
①のうけっかんしっかん ②みぎまひ
①脳血管疾患 ②右麻痺

ひとりでゆっくり入浴することを楽しみにしています。入浴をすると気持ちがよくて、気分が明るくなると話しています。

どうすれば山田さんが楽しくゆっくり入浴できるか考えてみましょう。

ひとりで座っていることができます。

山田さんが、今、できることや難しくなったことを確認してみましょう。



着替えや浴槽に入るとは一人で行っています。

浴室の移動は浴室内の手すりを使っています。シャワーチェアから立ち上がる時は座面の端に手をつけて立ちます。

介護職員一人が見守りをしています。

背中を洗ってほしいとき、介護職員に声をかけます。

山田さんが立ち上がる時、介護職員は山田さんの麻痺がある右側で、見守りをしています。

介護職員が立ち上がりを手伝おうとすると、「一人でできるわ」と言います。

山田さんは「入浴のとき、シャワーチェアから立ち上がるのが大変なの」と話しています。

山田さんの入浴の環境を確認してみましょう。

支援を考えるために、もっと必要な情報を集めましょう。

*環境：まわりの様子

Thẩm định [Thu thập thông tin ⑤]

Sắp xếp thông tin về việc tắm của bà Yamada.

・ Tuổi: 78
・ Giới tính: nữ giới
・ Bệnh, triệu chứng, v.v.
① Bệnh mạch máu não
② Liệt bên phải

Bà rất háo hức được tắm thư giãn một mình. Bà nói rằng tắm giúp bà cảm thấy dễ chịu và tâm trạng vui vẻ hơn.

Hãy cùng suy nghĩ xem làm thế nào để bà Yamada có thể tắm một cách vui vẻ và thư giãn.

Bà có thể ngồi một mình.

Hãy thử kiểm tra xem những việc mà bà Yamada làm được hiện giờ và những việc đã khó làm hơn.

Hãy thu thập thêm những thông tin cần thiết để suy nghĩ cách hỗ trợ.

Khi bà thay quần áo hoặc vào bồn tắm, bà thực hiện một mình.

Bà sử dụng tay vịn trong phòng tắm để di chuyển trong phòng tắm. Bà đặt tay lên mép mặt ghế khi đứng dậy từ ghế tắm.

Có 1 nhân viên chăm sóc trông chừng bà.

Khi bà muốn được rửa lưng, bà gọi nhân viên chăm sóc.

Khi bà Yamada đứng dậy, nhân viên chăm sóc sẽ trông chừng ở phía bên phải bị liệt của bà Yamada.

Khi nhân viên chăm sóc định giúp bà đứng dậy, bà nói: "Tôi có thể tự làm được".

Bà Yamada nói: "Đứng dậy từ ghế tắm khi tắm vất vả lắm."

Hãy thử kiểm tra môi trường tắm của bà Yamada.



じょうほうしゅうしゅう
アセスメント【情報収集⑥】

やま だ つか よくしつ かんきょう かくにん
山田さんが使っている浴室の環境を確認します。

よくしつない せんしん ぼしよ よくそう よこ
浴室内は、洗身する場所と浴槽の横の
かべ て
壁に手すりがあります。

せ もたれ ひじ
背もたれと肘かけがない
シャワーチェアを使っ
つか
ています。

こじんよう よくそう つか
個人用の浴槽を使っています。

Thăm định [Thu thập thông tin ⑥]

Kiểm tra môi trường của phòng tắm mà bà Yamada đang sử dụng.

Trong phòng tắm, có tay vịn trên tường cạnh bồn tắm và khu vực tắm rửa.

Bà sử dụng ghế tắm không có tựa lưng và không có tay vịn.

Bà dùng bồn tắm cá nhân.

アセスメント【情報収集⑦】

やまだ いま にゅうよく じょうたい せいり
山田さんの今の入浴の状態を整理します。

やまだ 山田さんの希望、こだわり

- ひとりでゆっくり入浴したい
- 浴室で安全に立ち上がりたい
- できることは自分でやりたい

やまだ 山田さんができること

- 浴室への移動
- 座位の保持
- いすの肘かけを使った立ち上がり
- 困ったときの介護職員への声かけ
- シャワーチェアから、浴槽への移動
- 個人浴槽での入浴

やまだ 山田さんが難しいこと

- 浴槽の手すりや、背もたれがないシャワーチェアからの立ち上がり
- 下肢筋力が低下していて、一人で立ち上がったり歩くことが難しくなった

やまだ 山田さんが使っている浴室の環境

- 浴槽の横の壁に手すりがある
- 背もたれと肘かけがないシャワーチェアを使っている



Thẩm định [Thu thập thông tin ⑦]

Sắp xếp tình trạng tắm hiện tại của bà Yamada.

Mong muốn và đòi hỏi của bà Yamada

- Muốn tắm thư giãn một mình
- Muốn đứng dậy một cách an toàn trong phòng tắm
- Muốn tự làm những gì mình có thể làm

Những việc bà Yamada có thể làm

- Di chuyển đến phòng tắm
- Duy trì tư thế ngồi
- Đứng dậy bằng cách dùng tay vịn của ghế
- Gọi nhân viên chăm sóc khi gặp khó khăn
- Di chuyển từ ghế tắm sang bồn tắm
- Tắm trong bồn tắm cá nhân



Điều khó khăn đối với bà Yamada

- Đứng dậy từ tay vịn của bồn tắm và ghế tắm không có tựa lưng
- Sức mạnh cơ bắp chi dưới đang suy giảm, khó tự đứng dậy hoặc đi bộ một mình hơn

Môi trường phòng tắm mà bà Yamada sử dụng

- Có tay vịn trên tường cạnh bồn tắm
- Bà sử dụng ghế tắm không có tựa lưng và tay vịn

***こだわり**: とても気になっていること。自分で決めたことを必ずしようとする

***保持**: 同じ状態を続けること

アセスメント【情報収集⑧】

あつ じょうほう
集めた情報をアセスメントシートにまとめます。

ほんにん じょうきょう ないよう 本人の状況・ケア内容			
よくそう しゅるい 浴槽の種類	<input checked="" type="checkbox"/> 個人浴槽	<input type="checkbox"/> 大浴槽	<input type="checkbox"/> リフト浴 <input type="checkbox"/> 機械浴 <input type="checkbox"/> 中間浴槽 <input type="checkbox"/> シャワー浴 <input type="checkbox"/> その他
せんぱつ 洗髪	<input type="checkbox"/> 自立	<input checked="" type="checkbox"/> 一部介助	<input type="checkbox"/> 全介助
せんしん 洗身	<input type="checkbox"/> 自立	<input checked="" type="checkbox"/> 一部介助	<input type="checkbox"/> 全介助
せいしき ぶぶんよく 清拭・部分浴	<input type="checkbox"/> 物品の準備・後始末	<input type="checkbox"/> 全身清拭	<input type="checkbox"/> 手浴・足浴 <input type="checkbox"/> 陰部洗浄
ようかい ごしゃとう けんこうじょう せいかつじょう せいかつじょう もんだいてんおよ かいけつ かだいとう 要介護者等の健康上や生活上の問題点及び解決すべき課題等			
もんだいてん かいけつ かだいとう 問題点や解決すべき課題等	あり	りつあん 立案	くたいきないよう たいおう 具体的内容/対応するケア項目
① ほんにん うった ようぼう ①本人の訴えや要望	○		① 一人でゆっくり入浴したいとの希望があり、個人浴槽を使用している。
② かぞく うった きぼう ②家族の訴えや希望			
③ いりょうめん しじ かんりとう ③医療面での指示・管理等			④ 下肢筋力の低下から、現在使用しているシャワーチェアに手をつけて立ち上がり、浴槽に入る動作が難しくなっている。そのため、移動をするときは、介護職員が見守りを行っている。
④ いじょう いどうめん もんだいとう ④移乗・移動面での問題等	○		
⑤ せんしん せんぱつどう さめん もんだいとう ⑤洗身・洗髪動作面での問題等	○		
⑥ にゅうよくかいすうめん もんだいとう ⑥入浴回数面での問題等			⑤ 背中を洗うときは介護職員が一部介助を行う。
⑦ しんたい せいけつめん もんだいとう ⑦身体の清潔面での問題等			⑧ 使用しているシャワーチェアに背もたれと肘かけがなく、立ち上がりや洗身の時に不安定になることがある。
⑧ ほか もんだいとう ⑧その他の問題等	○		

※このアセスメントシートは一例です。

「アセスメントシート」の名前や形は介護施設によって違います。

▶ 施設で使っているアセスメントシートも確認してみましょう。

Thẩm định [Thu thập thông tin ⑧]

Tổng hợp thông tin đã thu thập được thành một bảng thẩm định.

Tình hình cá nhân/nội dung chăm sóc			
Loại bồn tắm	<input checked="" type="checkbox"/> Bồn tắm cá nhân <input type="checkbox"/> Bồn tắm lớn <input type="checkbox"/> Tắm bằng ghế nâng hạ <input type="checkbox"/> Tắm bằng máy	<input type="checkbox"/> Bồn tắm khi ngồi trên ghế <input type="checkbox"/> Tắm vòi sen <input type="checkbox"/> Khác	
Gội đầu	<input type="checkbox"/> Tự lập <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/> Hỗ trợ toàn bộ		
Tắm rửa	<input type="checkbox"/> Tự lập <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/> Hỗ trợ toàn bộ		
Lau sạch/tắm một phần	<input type="checkbox"/> Chuẩn bị/dọn dẹp dụng cụ <input type="checkbox"/> Lau sạch toàn thân <input type="checkbox"/> Rửa tay/rửa chân <input type="checkbox"/> Rửa sạch bộ phận sinh dục		
Những điểm vấn đề về sức khỏe, sinh hoạt của người cần chăm sóc, v.v. và những vấn đề cần giải quyết, v.v.			
Các điểm vấn đề và vấn đề cần giải quyết, v.v.	Có	Lập kế hoạch	Nội dung cụ thể/các hạng mục chăm sóc sẽ hỗ trợ
① Yêu cầu và đề nghị của cá nhân	○		① Bà muốn tắm thư giãn một mình và đang sử dụng bồn tắm cá nhân.
② Yêu cầu và mong muốn của gia đình			
③ Hướng dẫn/quản lý về mặt y tế, v.v.			④ Sức mạnh cơ bắp chi dưới suy giảm nên khó đặt tay lên ghế tắm hiện tại đang sử dụng để đứng dậy và động tác bước vào bồn tắm khó khăn hơn. Do đó, nhân viên chăm sóc sẽ trông chừng bà khi bà di chuyển.
④ Các vấn đề về mặt di chuyển bằng phương tiện/di chuyển, v.v.	○		
⑤ Các vấn đề về mặt động tác tắm rửa/ gội đầu, v.v.	○		
⑥ Các vấn đề về mặt số lần tắm, v.v.			⑤ Khi rửa lưng, nhân viên chăm sóc hỗ trợ một phần.
⑦ Các vấn đề về mặt vệ sinh thân thể, v.v.			⑧ Ghế tắm bà đang sử dụng không có tay vịn và tựa lưng nên bà có thể cảm thấy không ổn định khi đứng dậy hoặc tắm rửa.
⑧ Các vấn đề khác, v.v.	○		

* Bảng thẩm định này là một ví dụ. Tên và định dạng của “Bảng thẩm định” khác nhau tùy thuộc vào cơ sở chăm sóc.

▶ Hãy kiểm tra bảng thẩm định được sử dụng tại cơ sở.

アセスメント【課題分析・課題の明確化】

集めた情報を分析して山田さんの入浴に関する課題を明確にします。

情報	分析	生活課題
<p>①一人でゆっくり入浴したい</p> <p>②できることは自分でやりたい</p> <p>③安定した座位保持ができる</p> <p>④リハビリをしているが、だんだん下肢筋力が低下している</p> <p>⑤浴室では背もたれと肘かけのないシャワーチェアを使っている</p> <p>⑥いすや壁の手すりにつかまっても、立ち上がるのは難しい</p> <p>⑦シャワーチェアから立ち上がる時、介護職員が手伝うと言うと、「一人でできる」と言う</p>	<p>③④⑤⑥</p> <p>リハビリを実施しているが、だんだん下肢筋力が低下している。前よりも入浴のときの立ち上がりが大変になっている。</p> <p>現在の身体状態で、背もたれと肘かけのないシャワーチェアから立ち上がるのは難しい</p> <p>①②⑦</p> <p>介助を断るのは、できることは自分でやりたいと思っっているからだと考えられる。本人の気持ちを大切にしたい支援が必要</p> <p>④⑤⑥</p> <p>立ち上がる時、無理な姿勢になって、転倒など事故が起きるかもしれない。事故になると、身体状態がもっと低下するかもしれない。</p> <p>ゆっくり入浴したい、できることは自分でやりたい、という気持ちが低下して、生活の楽しみや意欲が低下することがある</p>	<p>現在の身体状態に合わせた入浴の介護が必要</p> <p>入浴環境を見直す</p> <p>見守り方法を改善して、安全で山田さんが希望する入浴、生活の支援が必要</p>



フォンさん

今の山田さんの状態や希望を考えると、介護職員が介助するより、山田さんがひとりで安全に立ち上がれる環境を作った方が良くと思います。

そうですね。山田さんにとってどんな入浴の環境が良いか考えてみましょう。まず、目標を決めましょう。

*現在：今 *見直す：もう一度、見る。もう一度考える

*改善：直して良くすること *断る：しなくても良いという。いやだという



佐藤リーダー



Chi Phuong

Suy nghĩ về tình trạng và mong muốn hiện tại của bà Yamada, tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu tạo ra một môi trường mà bà Yamada có thể tự mình đứng lên một cách an toàn thay vì nhờ nhân viên chăm sóc hỗ trợ.

Ừ. Hãy thử suy nghĩ xem môi trường tắm như thế nào là tốt cho bà Yamada. Đầu tiên, hãy quyết định mục tiêu.



Trưởng nhóm Sato

Thẩm định [phân tích vấn đề/làm rõ vấn đề]

Phân tích thông tin thu thập được và làm rõ những vấn đề liên quan đến việc tắm của bà Yamada.

Thông tin	Phân tích	Vấn đề sinh hoạt
<p>① Muốn tắm thư giãn một mình</p> <p>② Muốn tự làm những gì mình có thể làm</p> <p>③ Có thể duy trì tư thế ngồi ổn định</p> <p>④ Bà đang phục hồi chức năng, nhưng sức mạnh cơ bắp chi dưới đang dần suy giảm</p> <p>⑤ Trong phòng tắm, bà sử dụng ghế tắm không có tựa lưng và tay vịn</p> <p>⑥ Dù nắm vào ghế hay tay vịn trên tường cũng khó đứng dậy</p> <p>⑦ Khi đứng dậy khỏi ghế tắm, nhân viên chăm sóc nói sẽ giúp thì bà bảo "Tôi có thể tự làm được"</p>	<p>③④⑤⑥</p> <p>Bà đang thực hiện phục hồi chức năng, nhưng do sức mạnh cơ bắp của chi dưới đang dần suy giảm nên việc đứng dậy khi tắm trở nên vất vả và hơn trước. Tình trạng thể chất hiện tại của bà khiến bà khó đứng dậy từ ghế tắm không có tựa lưng và tay vịn</p> <p>①②⑦</p> <p>Có thể cho rằng bà từ chối hỗ trợ là vì bà muốn tự làm những gì mình có thể làm. Cần hỗ trợ trong khi tôn trọng cảm xúc của người đó</p> <p>④⑤⑥</p> <p>Khi bà đứng dậy, bà có thể có tư thế quá sức và có thể xảy ra sự cố như té ngã, v.v. Nếu xảy ra sự cố, tình trạng thể chất của bà có thể xấu đi hơn nữa.</p> <p>Bà có thể giảm cảm xúc như muốn được tắm thư giãn và muốn tự làm những gì mình có thể làm, và giảm những háo hức và động lực trong cuộc sống</p>	<p>Cần chăm sóc tắm phù hợp với tình trạng thể chất hiện tại.</p> <p>Xem lại môi trường tắm</p> <p>Cần phải cải thiện phương pháp trông chừng và hỗ trợ việc tắm, sinh hoạt một cách an toàn mà bà Yamada mong muốn</p>

介護計画の立案

山田さんが安全にゆっくり入浴ができることを目標に、次のような支援を計画します。

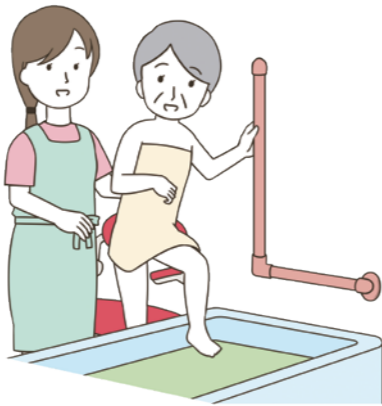
① 背もたれ、肘かけがあるシャワーチェアに変更します。

ちょうど良いわね。
安心だわ。



シャワーチェアの
高さは
いかがですか。

② 山田さんが立ち上がる時、ふらつきなどがあつたら、介護職員は山田さんを支えられる所(山田さんの右側)で見守りをします。



フォンさんは、支援の変更を山田さんに提案して、山田さんも同意してくれました。

*提案: 意見や考えを出すこと。意見や考えを言うこと *同意: 同じ意見

Lập kế hoạch chăm sóc

Lên kế hoạch chăm sóc sau đây với mục tiêu giúp bà Yamada có thể tắm thư giãn một cách an toàn.

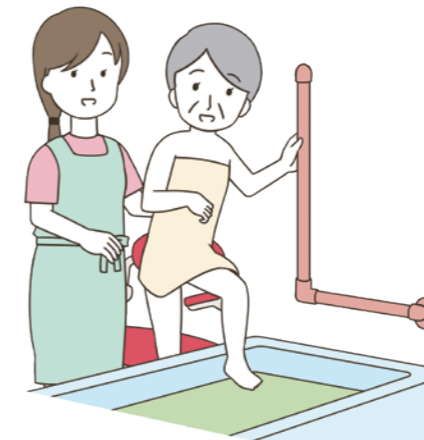
① Đổi sang ghế tắm có tựa lưng và tay vịn.

Vừa đúng rồi.
Tôi yên tâm rồi.



Chiều cao của ghế tắm
thì thế nào ạ?

② Khi bà Yamada đứng dậy, nếu bà Yamada bị loạng choạng, v.v. nhân viên chăm sóc sẽ trông chừng bà Yamada ở chỗ có thể hỗ trợ bà (phía bên phải của bà Yamada).



Chị Phương đã đề xuất với bà Yamada về việc thay đổi hỗ trợ và bà Yamada đã đồng ý.

介護計画の立案

山田さんが安全にゆっくり入浴ができることを目標に、介護計画書を作ります。

生活課題	短期目標	支援内容・方法
現在の身体状態に合わせた入浴の介護が必要 入浴環境の見直しと見守り方法を改善して、安全で本人が希望する入浴、生活の支援が必要	安全にゆっくり入浴ができる	<p>1. シャワーチェアの変更 1) 背もたれと肘かけのあるシャワーチェアに変更する 2) 使用するとき、山田さんの様子を観察して、記録する 頻度：入浴のとき、毎回</p> <p>2. 立ち上がる時の見守り 1) 山田さんの右側で見守りをする 2) 立ち上がりやすい姿勢になっているか、山田さんと一緒に確認をする ・シャワーチェアに浅く座っている ・足を後ろに少し引いている 頻度：入浴のとき、毎回。立ち上がりするとき</p>

※この介護計画書は一例です。介護計画書の名前や形は介護施設によって違います。

施設で使っている介護計画書も確認してみましょう。

Lập kế hoạch chăm sóc

Lập bản kế hoạch chăm sóc với mục tiêu giúp bà Yamada có thể tắm thư giãn một cách an toàn.

Vấn đề sinh hoạt	Mục tiêu ngắn hạn	Nội dung/phương pháp chăm sóc
<p>Cần chăm sóc tắm phù hợp với tình trạng thể chất hiện tại</p> <p>Cần xem lại môi trường tắm và cải thiện phương pháp trông chừng để chăm sóc một cách an toàn việc tắm và sinh hoạt mà bà mong muốn.</p>	<p>Có thể tắm thư giãn một cách an toàn</p>	<p>1. Thay đổi ghế tắm 1) Đổi sang ghế tắm có tựa lưng và tay vịn 2) Quan sát và ghi chép lại tình hình của bà Yamada khi bà sử dụng ghế Tần suất: Mỗi lần tắm</p> <p>2. Trông chừng khi bà đứng dậy 1) Trông chừng bà Yamada ở phía bên phải của bà. 2) Cùng kiểm tra với bà Yamada xem tư thế có dễ đứng dậy không ・ Ngồi ra gần rìa ghế tắm ・ Đưa chân ra sau một chút Tần suất: Mỗi khi tắm. Khi bà đứng dậy.</p>

* Bản kế hoạch chăm sóc này là một ví dụ. Tên và định dạng của bản kế hoạch chăm sóc khác nhau tùy thuộc vào cơ sở chăm sóc.

▶ Hãy thử kiểm tra bản kế hoạch chăm sóc được sử dụng tại cơ sở.

実施

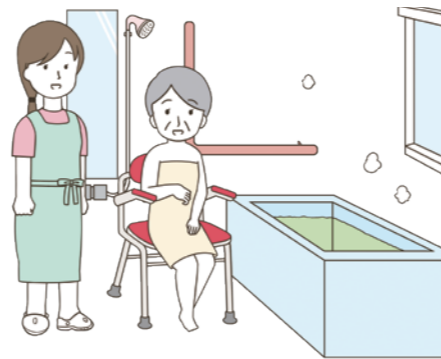
介護計画書の通りに山田さんの入浴の支援をします。

支援をするとき、確認すること➡

- ① シャワーチェアは使いにくいくないか
- ② 立ち上がりは安定しているか
- ③ 山田さんは新しい支援の方法をどう思っているか

山田さん、浅く座って足を少し後ろに引くと立ちやすいですよ。

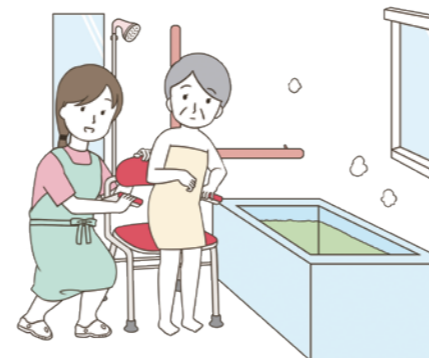
足を後ろに引いていますか。



立ち上がり前

お押さえているので、大丈夫ですよ。

ふらつきなどはないですね。左手は肘かけをつかんでいますか。



立ち上がり時

シャワーチェアは使いやすそうです。初回は安全に入浴ができましたね。

良かったです!

今日は立ち上がりが楽にできて良かったわ。



立ち上がり後

Thực hiện

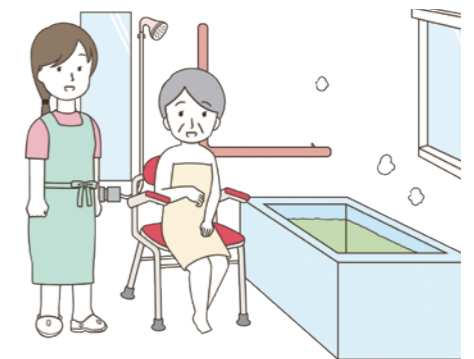
Hỗ trợ việc tắm cho bà Yamada theo bản kế hoạch chăm sóc.

Những điều cần kiểm tra khi hỗ trợ ➡

- ① Ghế tắm có khó sử dụng không?
- ② Đứng dậy có được ổn định không?
- ③ Bà Yamada nghĩ sao về phương pháp chăm sóc mới?

Bà Yamada, bà ngồi ra gần rìa ghế và đưa chân ra sau một chút sẽ dễ đứng lên hơn đấy ạ.

Bà đã đưa chân ra sau chưa?



Trước khi đứng dậy

Cháu đang giữ, nên không sao đâu ạ.

Bà không bị loạng choạng, v.v. phải không nhỉ? Tay trái của bà có đang nắm vào tay vịn không?



Khi đứng dậy

Ghế tắm có vẻ dễ dùng. Lần đầu tiên bà đã có thể đi tắm an toàn rồi.

Tốt quá ạ!

Hôm nay thật tốt quá khi bà có thể đứng dậy một cách dễ dàng.



Sau khi đứng dậy

実施・評価

介護計画書の通りに実施したことを記録して評価します。

実施状況	評価
<p>1. シャワーチェアの変更</p> <p>1) 背もたれと肘かけのあるシャワーチェアに変更する。 初めて使用する前に、高さを調整した。山田さんに確認しながら調整を行った。深く座ったときに、両足が床につく高さにした。山田さんは「安心だわ」と言った。</p> <p>2) 使用したときの本人の様子を観察して、記録する。 初めて使用したとき：座るとき、肘かけにつかまりながら座った。介護職員は、山田さんが座るときと立ち上がる時、シャワーチェアを押さえた。「押さえているので大丈夫ですよ」と声をかけるとなずいた。肘かけにつかまって立ち上がった。ふらつきや無理な前傾姿勢はなかった。</p> <p>2. 立ち上がり時の見守り</p> <p>1) 山田さんの右側で見守りをする。 初めてのとき：立ち上がる時、山田さんの右側に立って、シャワーチェアを押さえながら見守りをした。</p> <p>2) 立ち上がりやすい姿勢になっているか、山田さんと一緒に確認をする。</p> <ul style="list-style-type: none"> ・シャワーチェアに浅く座っている ・足を後ろに少し引いている <p>初めてのとき：山田さんに浅く座ってもらった。肘かけにつかまりながら行っていた。次に足を後ろに引いているか声かけで確認をした。山田さんはうなずいた。</p>	<p>入浴日より前にシャワーチェアを見てもらって、高さを調整したので、新しい環境でも安心して入浴することができた。</p> <p>シャワーチェアは安定していたが、介護職員が押さえていることで、本人も安定していると感じたようだ。</p> <p>立ち上がる時に、ふらつきや無理な姿勢は見られなかった。</p>

Thực hiện/đánh giá

Ghi chép và đánh giá những gì đã được thực hiện theo bản kế hoạch chăm sóc.

Tình hình thực hiện	Đánh giá
<p>1. Thay đổi ghế tắm</p> <p>1) Đổi sang ghế tắm có tựa lưng và tay vịn. Tôi đã điều chỉnh chiều cao trước khi sử dụng lần đầu tiên. Tôi đã điều chỉnh trong khi xác nhận với bà Yamada. Khi bà đã ngồi sâu vào phía trong ghế, tôi để ở độ cao mà cả hai chân bà chạm sàn. Bà Yamada nói: "Tôi yên tâm rồi".</p> <p>2) Quan sát và ghi chép tình hình của người đó khi sử dụng. Khi bà sử dụng nó lần đầu tiên: Khi bà ngồi xuống, bà nắm vào tay vịn để ngồi. Nhân viên chăm sóc đã giữ ghế tắm khi bà Yamada ngồi xuống và đứng dậy. Bà đã gạt đầu khi tôi cất tiếng nói với bà, "Cháu đang giữ, nên không sao đâu ạ." Bà đã nắm vào tay vịn và đứng dậy. Không bị loạng choạng hoặc tư thế chồm về phía trước quá sức.</p> <p>2. Trông chừng khi đứng dậy</p> <p>1) Trông chừng bà Yamada ở phía bên phải của bà. Lần đầu tiên: Khi bà đứng dậy, tôi đứng ở bên phải bà Yamada và trông chừng bà trong khi giữ ghế tắm.</p> <p>2) Cùng kiểm tra với bà Yamada xem tư thế có dễ đứng dậy không.</p> <ul style="list-style-type: none"> ・ Bà đang ngồi ra gần rìa ghế tắm ・ Đưa chân ra sau một chút <p>Lần đầu tiên: bà Yamada đã ngồi ra gần rìa ghế. Bà vừa nắm vào tay vịn vừa làm. Tiếp theo, tôi cất tiếng để xác nhận với bà xem bà có đang đưa chân ra sau không. Bà Yamada gạt đầu.</p>	<p>Tôi đã nhờ bà xem ghế tắm trước ngày tắm và điều chỉnh độ cao, nên bà đã có thể yên tâm tắm trong môi trường mới.</p> <p>Ghế tắm ổn định, nhưng dường như vì nhân viên chăm sóc đã giữ ghế nên bà cũng cảm thấy ổn định.</p> <p>Không nhận thấy có loạng choạng hoặc tư thế quá sức khi đứng dậy.</p>

ひょうか 評価

かいご けいかく じっし げつ た じっし ないよう ひょうか
介護計画の実施から1か月经ったので、実施内容の評価をします。

- やま だ あんぜん にゅうよく もくひょう
山田さんが安全にゆっくり入浴できるという目標
が達成できたでしょうか。
- りつあん けいかく とお じっし
立案した計画の通りに実施できたでしょうか。
- やま だ きぼう とお にゅうよく
山田さんは希望の通りに、入浴できるようになった
でしょうか。
- やま だ あんしん にゅうよく
山田さんが安心して入浴するために、もっとできるこ
とがあるでしょうか。



フォンさんは、やま だ きぼう せいかつ じっし
山田さんが希望する生活をするために、実施し
たことを振り返りました。そして他 職 種 や 本 人 ・ 家 族 と も 相 談
しながら、ふ かえ もと つぎ し えん
振り返ったことを基にして、次の支援をしていきます。

*振り返る：これまで自分がしたことについて、よかったかなど考えること

Đánh giá

Một tháng đã trôi qua kể từ khi thực hiện kế hoạch chăm sóc, vì vậy sẽ đánh giá nội dung thực hiện.

- Đã đạt được mục tiêu giúp bà Yamada tắm thư giãn một cách an toàn chưa?
- Đã thực hiện được đúng như kế hoạch đã lập ra chưa?
- Bà Yamada có thể tắm như mong muốn chưa?
- Còn việc gì có thể làm hơn nữa để giúp bà Yamada yên tâm tắm không?



Chị Phương nhìn lại những gì chị đã làm để giúp bà Yamada sinh hoạt theo cách bà mong muốn. Sau đó, trong khi tham khảo ý kiến của nhân viên ở bộ phận khác, bản thân bà và gia đình của bà, chị sẽ có hỗ trợ tiếp theo dựa trên những gì chị đã nhìn lại.

4. おわりに

介護過程が理解できましたか。

皆さんがいつも利用者に行っている介護が、介護計画を基にしていること、そして皆さんが介護の後にしている記録や報告が、アセスメントや評価になっていくことが理解できたと思います。

*行う: する

介護過程は、介護福祉士としてしっかり理解してほしい考え方は、「介護過程に基づく介護」ができるようになると、利用者が希望する生活に近づくための支援ができるようになります。

また、介護過程は介護福祉士国家試験に出題される科目のひとつです。介護過程について勉強することで、国家試験合格にも近づくことができます。

もっと介護過程について勉強したい、理解したいと思ったら、皆さんの施設で使われている利用者のアセスメントシートや介護計画書を読んでみましょう。

皆さんが今、利用者に行っている介護の一つひとつが、しっかりとした根拠に基づいて行われていることが分かるはずです。

*根拠: 行動や判断の理由 *行動: すること *判断: よいかどうか決めること

次のページに続く

4. Phần kết

Bạn đã hiểu quy trình chăm sóc chưa?

Tôi nghĩ các bạn đã hiểu rằng sự chăm sóc mà bạn luôn thực hiện đối với người sử dụng sẽ dựa trên kế hoạch chăm sóc, đồng thời các ghi chép cũng như báo cáo thực hiện sau khi các bạn chăm sóc sẽ trở thành thẩm định và đánh giá.

Quy trình chăm sóc là một cách suy nghĩ mà tôi muốn bạn hiểu kỹ càng với tư cách là một chuyên viên chăm sóc phúc lợi. Khi bạn có thể “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”, bạn sẽ có thể hỗ trợ để người sử dụng tiến gần hơn đến sinh hoạt theo cách mong muốn của họ.

Ngoài ra, quy trình chăm sóc là một trong những môn học được ra đề trong kỳ thi quốc gia dành cho chuyên viên chăm sóc phúc lợi. Bằng cách học về quy trình chăm sóc, bạn có thể tiến gần hơn đến việc đỗ kỳ thi quốc gia.

Nếu bạn muốn học thêm, hiểu rõ hơn về quy trình chăm sóc, hãy đọc bảng thẩm định người sử dụng và bản kế hoạch chăm sóc được sử dụng tại cơ sở của các bạn.

Các bạn chắc chắn sẽ hiểu rằng từng sự chăm sóc mà bạn thực hiện đối với người sử dụng đều dựa trên căn cứ vững chắc.

Tới trang tiếp theo

「介護過程に基づいた介護」をするためには、一つひとつの介護の根拠を考 えながら仕事をすることが必要です。

また、皆さんが介護導入研修 で使った「介護導入研修 テキスト」にも対訳付きで介護過程のことが詳しく載っていますので、読んでみてください。

介護過程の全てを理解して介護を行うことは、今は難しいかもしれませんが、利用者が希望する生活を支援することができるように、勉強を続けてください。皆さんが利用者や他の職員から「求められる介護福祉士」になれることを心から応援しています。

*「求められる介護福祉士像」は、介護導入研修 テキスト 第3章 1-1) にも説明がありますので、読んでください。

こちらのQRコードから手引きの英語版・インドネシア語版・ベトナム語版をダウンロードすることができます。



Để thực hiện “chăm sóc dựa trên quy trình chăm sóc”, cần phải suy nghĩ về căn cứ của từng dịch vụ chăm sóc trong khi làm việc.

Ngoài ra, hãy thử đọc "Giáo trình đào tạo giới thiệu hộ lý" mà bạn đã sử dụng trong khóa đào tạo giới thiệu hộ lý, vì nó cũng có mô tả chi tiết quy trình chăm sóc có kèm bản dịch và tiếng Nhật.

Có thể bây giờ sẽ khó hiểu toàn bộ quy trình chăm sóc và cung cấp dịch vụ chăm sóc, nhưng hãy tiếp tục học để có thể hỗ trợ sinh hoạt mà người sử dụng mong muốn. Chúng tôi chân thành cảm ơn để các bạn có thể trở thành "chuyên viên chăm sóc phúc lợi được người sử dụng và nhân viên khác yêu cầu".

* “Hình ảnh chuyên viên chăm sóc phúc lợi được yêu cầu” cũng được giải thích trong mục 1-1) chương 3 của Giáo trình đào tạo giới thiệu hộ lý, nên xin vui lòng đọc.

Bạn có thể tải xuống các phiên bản tiếng Anh, tiếng Indonesia và tiếng Việt của sách hướng dẫn này từ mã QR ở đây.



EPA介護福祉士候補者が 介護過程を理解するための手引き 日本語/ベトナム語版

— 2024年1月発行 —

発行 公益社団法人 国際厚生事業団 国際・研修事業部
住所 東京都中央区銀座7丁目17-14 松岡銀七ビル3F

本手引きは、令和4年度厚生労働省老人保健健康増進等事業「EPAに基づく外国人介護福祉士候補者が受入れ施設で習得する介護技術の統一した評価方法を確立するための調査研究」において作成されたものです。
